

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG
THÁI NGUYÊN

Số: 1985/TB-BVTWTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v mời báo giá thuốc cung cấp cho Nhà thuốc Bệnh viện lần 4 năm 2025
(đợt 1)

Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên có nhu cầu mua thuốc phục vụ cho hoạt động của nhà thuốc của Bệnh viện.

Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên kính mời các đơn vị quan tâm có đủ năng lực kinh nghiệm cung cấp hồ sơ (theo biểu mẫu đính kèm) để bệnh viện lựa chọn công ty cung ứng.

Hồ sơ xin gửi về Khoa Dược – Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. Đồng thời gửi 01 bản báo giá dưới dạng file pdf và 01 file dạng excel qua địa chỉ Email: nhathuocbvtwn@gmail.com

Địa chỉ: Số 479, đường Lương Ngọc Quyến, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên

Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến ngày 27/12/2025

Mọi thắc mắc xin liên hệ, DS. Nguyễn Hương Giang, Số điện thoại: 0355818461

Xin trân trọng cảm ơn! *la2*

Nơi nhận:

- Website BV TWTN;
- Lưu VT, KD. *W*



HỒ SƠ CÔNG TY CUNG CẤP

(Kèm công văn số ngày / /2025 về việc mời báo giá thuốc)

Hồ sơ cung cấp Công ty sắp xếp theo thứ tự lần lượt như sau:

I. Hồ sơ pháp lý công ty:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng)
2. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dược có phạm vi phù hợp với sản phẩm tương ứng (bản sao công chứng)
3. Chứng chỉ hành nghề dược của người phụ trách chuyên môn (bản sao công chứng)
4. Giấy chứng nhận thực hành tốt bảo quản thuốc GSP (bản sao công chứng)
5. Giấy chứng nhận thực hành tốt phân phối nhà thuốc GDP (bản sao công chứng)
6. Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc GMP (bản sao công chứng)
7. Bản cam kết chất lượng hàng hóa, giá và cung ứng sản phẩm (Phục lục 1)

II. Hồ sơ sản phẩm

1. Báo giá đơn vị cung cấp (Phục lục 2)
2. Giấy phép lưu hành sản phẩm/Quyết định cấp đăng ký lưu hành/Công văn duy trì hiệu lực số đăng ký lưu hành. Trong trường hợp Giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực, đơn vị cung cấp thẻ kho và cam kết số lượng cung ứng trong thời gian thực hiện hợp đồng.
3. Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan) đối với thuốc nhập khẩu
4. Ủy quyền của nhà phân phối hoặc hãng sản xuất đối mặt hàng báo giá
5. Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam được Cục Quản lý dược đóng dấu hoặc cam kết của công ty sản xuất hoặc công ty đăng ký về việc Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng phù hợp với hồ sơ đăng ký đã nộp lại tại Cục Quản lý Dược.
6. Quyết định trúng thầu trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày thông báo mời báo giá (nếu có)
7. Hoá đơn bán hàng cho các cơ sở y tế/nhà thuốc trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày thông báo mời báo giá (đối với thuốc chưa có kết quả trúng thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).

Các tài liệu do công ty cung cấp phải có dấu xác nhận của công ty, đồng thời chuẩn bị sẵn tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bệnh viện.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm

BẢN CAM KẾT

Tên Công ty:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
Email:.....
Người đại diện:.....Chức vụ:.....

Tất cả các hồ sơ mà Công ty gửi đến Bệnh viện là chính xác, đúng với Hồ sơ gốc còn hiệu lực. Nếu các cơ quan thanh tra kiểm tra phát hiện có sự giả mạo trong hồ sơ thì công ty chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Chúng tôi xin cam kết tới quý Bệnh viện:

1. Cam kết đảm bảo chất lượng hàng hóa

- Đảm bảo chất lượng, mẫu nhãn đúng như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.
- Đúng với nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa về hãng sản xuất, nước sản xuất.
- Hạn sử dụng còn lại của thuốc tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên, 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. Trong trường hợp hạn sử dụng của thuốc không đáp ứng yêu cầu nêu trên, để bảo đảm có thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, căn cứ tình hình thực tế, Bệnh viện quyết định hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế và không được yêu cầu cao hơn quy định nêu trên, phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân
- Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm thu hồi thuốc trong trường hợp hàng đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền, đồng thời hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho Bệnh viện tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi hoặc mua lại toàn bộ số hàng còn lại theo giá bán ra của nhà thuốc Bệnh viện, đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.

2. Cam kết về giá

- Chúng tôi cam kết giá của các sản phẩm do công ty chúng tôi cung cấp cho nhà thuốc bệnh viện là thấp hơn hoặc bằng giá đã công bố/kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Cam kết về cung ứng sản phẩm

- Cung ứng kịp thời, chính xác, đủ số lượng thuốc theo đơn đặt hàng của Nhà thuốc bệnh viện. Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giao hàng, tiến độ và phạm vi cung cấp nêu trong giá bán.
- Công ty cung cấp đầy đủ phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng ở mỗi lần nhập.
- Trong suốt quá trình vận chuyển, giao nhận thuốc phải đảm bảo đúng các yêu cầu điều kiện ghi trên nhãn, theo các nguyên tắc GSP, GDP và các quy định về quản lý các thuốc có yêu cầu quản lý đặc biệt.

Cam kết có hiệu lực kể từ ngày ký. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý bệnh viện./.

Đại diện hợp pháp của Công ty (doanh nghiệp)
(Ký tên, đóng dấu)

Tên Công ty
Người liên hệ:

Số điện thoại:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên

Công ty..... kính gửi bệnh viện báo giá sản phẩm công ty có khả năng cung cấp cho nhà thuốc bệnh viện. Cụ thể như sau:

Stt	Mã phần (lô)	Tên hoạt chất theo GPLHS P	Tên thuốc theo GPLHS P	Nồng độ - hàm lượng theo GPLHS P	Dạng bào chế theo GPLHSP	Đường dùng theo GPLHSP	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Hạn dùng (tuổi thọ)	Số GPLHS P hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm TCK T	Đơn giá (có VAT)	Giá trúng thầu trong vòng 12 tháng (QĐ; ngày qđ; tên Đơn vị trúng thầu)	Ghi chú	Phân loại (2)
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

Báo giá này có hiệu lực trong vòng...ngày, [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày.....tháng....năm..., [ghi ngày...tháng... năm.. kết thúc nhận báo giá]

1. Phân loại (Áp dụng với công ty báo giá danh mục thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền): Đề nghị ghi rõ việc mặt hàng thuốc do nhà thầu trực tiếp sản xuất, nhập khẩu hoặc kinh doanh như sau để phục vụ việc chấm điểm:
- Thuốc do nhà thầu trực tiếp sản xuất và dự thầu: ghi ký hiệu là SX.
 - Thuốc do nhà thầu trực tiếp nhập khẩu và dự thầu: ghi ký hiệu là NK.
 - Thuốc do nhà thầu mua từ doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu hoặc kinh doanh khác để dự thầu: ghi ký hiệu là KD và ghi rõ tên cơ sở nhập khẩu đối với thuốc nhập khẩu.

.....ngày tháng năm
Đại diện hợp pháp của Công ty (doanh nghiệp)

DANH MỤC THUỐC MỜI BẢO GIÁ

(Kèm công văn số ngày / 12 /2025 về việc mời báo giá thuốc nhà thuốc Bệnh viện lần 4 (đợt 1))

STT	Mã phân (lô)	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
I. Danh mục thuốc Generic						
I. Danh mục thuốc Generic						
1	2025.NTL4.01	Acid amin + glucose + lipid (*)	(8%/500ml + 16%/500ml + 20%/250ml); 1250ml	Tiêm truyền	Túi	2
2	2025.NTL4.02	Adapalen	1mg/g; 15g	Dùng ngoài	Tuýp	2
3	2025.NTL4.03	Almagate	100mg/ml (10% kl/tt); 15ml	Uống	Gói	4
4	2025.NTL4.04	Alpha - Terpineol thiên nhiên + Vitamin E + Natri lauryl sulfate	(2g+0.6g+16g); 200ml	Dùng ngoài	Chai	4
5	2025.NTL4.05	Alpha chymotrypsin	8,4mg	Uống	Viên	4
6	2025.NTL4.06	Amoxicillin + Sulbactam	875mg + 125mg	Uống	Viên	4
7	2025.NTL4.07	a-terpineol + Vitamin E + Natri lauryl sulphat	(0,6g + 0,045g + 4,8g)/ 60ml; 200ml	Dùng ngoài	Chai	4
8	2025.NTL4.08	Bacillus subtilis + Lactobacillus acidophilus	($\geq 10^8$ CFU/g; $\geq 10^8$ CFU/g); 100g	Uống	Lọ/Ống	4
9	2025.NTL4.09	Bacillus subtilis + Lactobacillus acidophilus	($\geq 10^8$ CFU/g + $\geq 10^8$ CFU/g); 50g	Uống	Lọ/Ống	4
10	2025.NTL4.10	Calci gluconat + Vitamin D3 (cholecalciferol)	(500mg + 200IU)/5ml; 10ml	Uống	Lọ/Ống	4
11	2025.NTL4.11	Calci nguyên tố (dưới dạng Calci carbonat) + Cholecalciferol (Vitamin D3)	600mg + 400IU	Uống	Viên	1
12	2025.NTL4.12	Calcipotriol (dưới dạng Calcipotriol monohydrat + Betamethason dipropionat	(0,005% + 0,0643%); 15g	Dùng ngoài	Chai	2
13	2025.NTL4.13	Cao đặc kim tiền thảo	600mg; 2g	Uống	Gói	1
14	2025.NTL4.14	Capsaicin	0,05g/100g; 20g	Dùng ngoài	Tuýp	4
15	2025.NTL4.15	Cefdinir	250mg/5ml; 50ml	Uống	Lọ	4
16	2025.NTL4.16	Cefdinir	300mg	Uống	Viên	3
17	2025.NTL4.17	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren pivoxil)	200 mg	Uống	viên	BDG
18	2025.NTL4.18	Cefprozil	500mg	Uống	Viên	4
19	2025.NTL4.19	Clotrimazole	500mg	Đặt âm đạo	Viên	4
20	2025.NTL4.20	Cholecalciferol	60.000IU /20ml	Uống	Lọ	4
21	2025.NTL4.21	Deflazacort	6mg	Uống	Viên	4
22	2025.NTL4.22	Dexlansoprazole (dưới dạng Dexlansoprazole pellets 20% w/w)	30 mg	Uống	Viên	4
23	2025.NTL4.23	Dexlansoprazole (dưới dạng Dexlansoprazole pellets EC 20% w/w)	60 mg	Uống	Viên	5



STT	Mã phân (lô)	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
24	2025.NTL4.24	Diclofenac sodium	1g/100g	Xịt ngoài da	Chai	5
25	2025.NTL4.25	Diocetahedral smectile	3000mg	Uống	Gói	4
26	2025.NTL4.26	Dried ferrous sulfate + Folic acid + Ascorbic acid + Thiamin mononitrat + Riboflavin + Pyridoxin HCl + Nicotinamide	150mg + 0,5mg + 50mg + 2mg + 2mg + 1mg + 10mg	Uống	Viên	5
27	2025.NTL4.27	Econazol	150mg	Đặt âm đạo	Viên	4
28	2025.NTL4.28	Edoxaban (dạng muối)	30mg	Uống	Viên	4
29	2025.NTL4.29	Edoxaban (dạng muối)	60mg	Uống	Viên	4
30	2025.NTL4.30	Epalrestat	50mg	Uống	Viên	4
31	2025.NTL4.31	Esomeprazole (dạng muối)	10mg; 3g	Uống	Gói	4
32	2025.NTL4.32	Ezetimibe	10mg	Uống	Viên	1
33	2025.NTL4.33	Fenofibrat (dưới dạng Fenofibrat pellets 66,0%)	100mg	Uống	Viên	2
34	2025.NTL4.34	Glutathione	1200mg	Tiêm / Tiêm truyền	Lọ	4
35	2025.NTL4.35	Ginkgo biloba extract (chuẩn hóa EPG 246) tương đương 4,2mg flavonol glycosid toàn phần	17,5g	Tiêm/Tiêm truyền	Ống	4
36	2025.NTL4.36	Ibandronic acid	50mg	Uống	Viên	4
37	2025.NTL4.37	Ibuprofen	20mg/ml; 100ml	Uống	Chai	2
38	2025.NTL4.38	L- Citrulline DL-Malate	1000mg/10ml	Uống	Gói	4
39	2025.NTL4.39	Levothyroxin natri	100mcg	Uống	Ống	4
40	2025.NTL4.40	Lyophilized eschrichia coli bacterial lysate	6 mg	Uống	Viên	1
41	2025.NTL4.41	Minocyclin (dưới dạng Minocyclin hydroclorid)	100mg	Uống	Viên	4
42	2025.NTL4.42	Montelukast Natri	10mg	Uống	Viên	1
43	2025.NTL4.43	Mosaprid citrat	5mg	Uống	Gói	4
44	2025.NTL4.44	Natamycin	100mg	Đặt âm đạo	Viên	5
45	2025.NTL4.45	Panax Notoginseng Saponins	100mg	Uống	Viên	5
46	2025.NTL4.46	Paracetamol	160mg/5ml	Uống	Gói	4
47	2025.NTL4.47	Pinene + Camphene + Cineol + Fenchone + Borneol + Anethol	31mg+ 15mg+ 3mg +4mg+ 10mg+ 4mg	Uống	Viên	1
48	2025.NTL4.48	Pinene + Camphene+ Cineol + Menthol+ Menthone + Borneol	17mg+ 5mg+ 2mg+ 32mg+ 6mg+ 5mg	Uống	viên	1
49	2025.NTL4.49	Pregabalin	50mg	Uống	Viên	3
50	2025.NTL4.50	Phytomenadione (Vitamin K1)	20mg/ml x 5ml	Uống	Chai	4
51	2025.NTL4.51	Rosuvastatin calcium 5,209mg tương đương Rosuvastatin	5mg	Uống	Viên	1

STT	Mã phần (lô)	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
52	2025.NTL4.52	Sắt (III) (dưới dạng sắt protein succinylat 800mg)	40mg; 15ml	Uống	Lọ	1
53	2025.NTL4.53	Spironolacton	25mg	Uống	Viên	2
54	2025.NTL4.54	Sucralfate	1g/10ml	Uống	Lọ	5
55	2025.NTL4.55	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	(200mg + 40mg)/5ml x 100ml	Uống	Chai	5
56	2025.NTL4.56	Tadalafil	10mg	Uống	Viên	1
57	2025.NTL4.57	Terbutalin sulfat + Guaifenesin	(1,5mg/5ml + 66,5mg/5ml);60ml	Uống	Chai	4
58	2025.NTL4.58	Thymomodulin	60mg/10ml	Uống	Ống	4

II. Danh mục vị thuốc, thuốc cổ truyền

1	2025.NTL4.118	Cao Pygeum africanum (tương đương với tổng sterol tính theo betasitosterol không được ít hơn 13mg)	100mg	Uống	Viên	3
2	2025.NTL4.119	Hà thủ ô đỏ + Cỏ xước + Ba kích + Thiên niên kiện + Trinh nữ + Đảng sâm+ Thổ phục linh+ Đương quy+ Địa hoàng +Quế chi + Dây đau xương + Ngưu tất + Cam thảo	150mg +150mg+150mg+ 150mg+ 150mg+ 200mg+125mg+150mg+150mg+150mg+150mg+100mg	Uống	Viên	3
3	2025.NTL4.120	Hậu phác+ Thương truật + Hương phụ + Trần bì + Thảo quyết minh + Gừng + Ô dược + Sa nhân+ Bạch thược+ Bán hạ bắc+ Bạch linh+ Bạch truật+ Hồng hoa+ Ô tặc cốt	192mg +180mg + 144mg + 144mg + 72mg + 72mg + 72mg + 36mg + 192mg + 72mg + 72mg + 60mg + 36mg + 20mg	Uống	Viên	3
4	2025.NTL4.121	Cao khô Carduus marianus (tương đương Silymarin toàn phần 70 mg) + Cao khô diệp hạ châu (tương ứng với 1400 mg dược liệu) + Cao khô ngũ vị tử (tương ứng với 150 mg dược liệu) + Cao khô nhân trần (tương ứng với 714,5 mg dược liệu) + Curcuminoids (Chiết xuất từ nghệ Curcuma longa L.)	140 mg + 200 mg + 25 mg + 50 mg + 25 mg	Uống	Viên	3
5	2025.NTL4.122	Tam thất	1,5g	Uống	Gói	3

